

TỔNG HỢP THU, CHI TIỀN BHYT HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025

TT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1	Tiền BHYT học sinh Năm học 2023-2024 chuyển sang			55.300
2	Thu BHYT học sinh trong tháng 9/2024	171.010.180		
3	Chi mua bảo hiểm y tế cho học sinh (161 hs)		170.786.070	
4	Thu BHYT học sinh trong tháng 10/2024	665.453.880		
5	Chi mua bảo hiểm y tế cho học sinh (01 hs lớp 1)		1.031.940	
6	Chi mua bảo hiểm y tế cho học sinh (01 hs lớp 4)		1.031.940	
7	Thu BHYT học sinh trong tháng 11/2024	16.953.300		
8	Chi mua bảo hiểm y tế cho học sinh		680.343.300	
9	Thanh toán tiền cho Phan Hoài Tâm 1A		221.480	
Cộng		853.417.360	853.414.730	57.930

Kế toán

Nguyễn Tiết Thời

Châu Thành, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

TỔNG HỢP THU, CHI TIỀN NƯỚC UỐNG LỚP KHÔNG BÁN TRÚ
NĂM HỌC 2024-2025

TT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1	Tiền nước uống NH 2023-2024 chuyển sang			-
2	Thu tiền nước uống NH 2024-2025	2.600.000		
3	Thanh toán tiền nước uống tháng 9, tháng 10		480.000	
4	Thanh toán tiền mua nước uống tháng 11, tháng 12		480.000	
5	Thanh toán tiền mua nước uống tháng 1, tháng 2		708.000	
6	Thanh toán tiền mua nước uống tháng 3, tháng 4, tháng 5		932.000	
Cộng		2.600.000	2.600.000	-

Kế toán



Nguyễn Tiết Thời

Châu Thành, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

TỔNG HỢP THU, CHI TIỀN ĂN NĂM HỌC 2024-2025

TT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1	Tiền ăn Năm học 2023-2024 chuyển sang			88.000
2	Thu trong tháng 10/2024	894.000.000		
3	Trả tiền thực phẩm từ ngày 9/9 - 13/9		116.050.000	
4	Trả tiền thực phẩm từ ngày 16/9/-20/9		116.275.000	
5	Trả tiền thực phẩm từ ngày 23/9-27/9		116.150.000	
6	Trả tiền thực phẩm từ ngày 30/9-4/10		116.100.000	
7	Trả tiền thực phẩm từ ngày 7/10-11/10		115.675.000	
8	Trả tiền thực phẩm từ ngày 14/10-18/10		115.725.000	
9	Thu trong tháng 11/2024	474.275.000		
10	Trả tiền thực phẩm từ ngày 21/10-25/10		115.200.000	
11	Trả tiền thực phẩm từ ngày 28/10-1/11		115.750.000	
12	Trả tiền thực phẩm từ ngày 4/11-8/11		115.350.000	
13	Trả tiền thực phẩm từ ngày 11/11-15/11		115.350.000	
14	Trả tiền thực phẩm từ ngày 19/11-22/11		92.225.000	
15	Thu trong tháng 12/2024	484.450.000		
16	Trả tiền thực phẩm từ ngày 25/11-29/11		115.475.000	
17	Trả tiền thực phẩm từ ngày 2/12-6/12		115.400.000	
18	Trả tiền thực phẩm từ ngày 9/12-13/12		115.475.000	
19	Trả tiền thực phẩm từ ngày 16/12-20/12		115.550.000	
20	Trả tiền thực phẩm từ ngày 23/12-27/12		92.600.000	
21	Thu trong tháng 1/2025	276.650.000		
22	Trả tiền thực phẩm từ ngày 30/12-3/1		92.175.000	
23	Trả tiền thực phẩm từ ngày 6/1-10/1		92.225.000	
24	Trả tiền thực phẩm từ ngày 13/1-17/1		92.325.000	
25	Trả tiền thực phẩm từ ngày 20/1-21/1		46.125.000	
26	Thu trong tháng 2/2025	415.850.000		
27	Trả tiền thực phẩm từ ngày 5/2-7/2		68.800.000	
28	Trả tiền thực phẩm từ ngày 10/2-14/2		115.725.000	
29	Trả tiền ăn cho Đăng Khôi , lớp 1A (15 ngày x 25.000đ)		375.000	
30	Thu trong tháng 3/2025	484.525.000		

TT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
31	Trả tiền thực phẩm từ ngày 17/2-21/2		115.225.000	
32	Trả tiền thực phẩm từ ngày 24/2-28/2		115.775.000	
33	Trả tiền thực phẩm từ ngày 3/3-7/3		115.550.000	
34	Trả tiền thực phẩm từ ngày 10/3-14/3		115.300.000	
35	Trả tiền thực phẩm từ ngày 17/3-21/3		115.650.000	
36	Thu trong tháng 4/2025	461.675.000		
37	Trả tiền thực phẩm từ ngày 24/3-28/3		115.025.000	
38	Thanh toán tiền ăn cho Phạm Đình Hưng, lớp 5E (6 ngày x 25.000 đ)		150.000	
39	Trả tiền thực phẩm từ ngày 31/3-4/4		115.550.000	
40	Trả tiền thực phẩm từ ngày 8/4-11/4		92.575.000	
41	Trả tiền thực phẩm từ ngày 14/4-18/4		92.225.000	
42	Trả tiền thực phẩm từ ngày 21/4-26/4		138.725.000	
43	Thu trong tháng 5/2025	323.150.000		
44	Trả tiền thực phẩm từ ngày 28/4-29/4		46.300.000	
45	Trả tiền thực phẩm từ ngày 5/5-9/5		115.850.000	
46	Trả tiền thực phẩm từ ngày 12/5-16/5		115.875.000	
47	Trả tiền thực phẩm từ ngày 19/5-22/5		92.700.000	
Cộng		3.814.575.000	3.814.575.000	88.000

Kế toán



Nguyễn Tiết Thời

Châu Thành, ngày 27 tháng 8 năm 2025



Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

TỔNG HỢP THU, CHI TIỀN PHÍ HỌC BÁN TRÚ NĂM HỌC 2024-2025

TT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1	Tiền phí học bán trú NH 2023-2024 chuyển sang			1.303.704
2	Thu tiền phí học bán trú trong tháng 10/2024	1.684.390.000		
3	Trả tiền mua đồ dùng bán trú HĐ 016		26.479.000	
4	Trả tiền nước máy		330.324	
5	Trả tiền ga HĐ 054		7.000.000	
6	Trả tiền mua khẩu trang, nước rửa cxhén, lau sàn,.. HĐ 044		16.301.000	
7	Tiền làm khung gổi, khung thay đồ		3.080.000	
8	Tiền công bảo mẫu, lương nấu ăn, QLBT tháng 9		140.900.000	
9	Tiền công bảo mẫu, lương nấu ăn, QLBT tháng 10		161.200.000	
10	Thu tiền phí học bán trú trong tháng 11/2024	23.735.000		
11	Trả tiền ga tháng 10 HĐ 071		7.120.000	
12	Trả tiền điện		6.711.377	
13	Trả tiền nước máy		330.324	
14	Trả tiền ga tháng 11, HĐ 071		7.280.000	
15	Thanh toán tiền nước uống T9, T10		8.544.000	
16	Tiền đồ dùng bán trú HĐ 084		10.663.000	
17	Tiền công bảo mẫu, lương nấu ăn, QLBT tháng 11		152.500.000	
18	Thu tiền phí học bán trú trong tháng 12/2024	33.345.000		
19	Mua giấy ở nhà ăn, HĐ 61771		375.000	
20	Mua bàn chải, chà nôi,..		782.400	
21	Trả tiền điện		6.279.506	
22	Mua giấy ở nhà ăn, HĐ 63073		762.000	
23	Mua giấy ở nhà ăn, HĐ 63941		1.440.000	
24	Trả tiền nước máy		330.324	
25	Tiền đồ dùng bán trú HĐ 113		8.153.000	
26	Trả tiền ga tháng 12, HĐ 83		7.280.000	
27	Trả tiền mua bọc chia thức ăn, túi rác		720.000	
28	Trả tiền nước uống T11, T12		8.544.000	
29	Tiền quạt, vòi rửa chén ở nhà bếp		1.752.000	
30	Tiền công bảo mẫu, lương nấu ăn, QLBT tháng 12		155.400.000	
31	Thu tiền phí học bán trú trong tháng 1/2025	93.040.000		
32	Thanh toán tiền điện tháng 12		5.587.714	
33	Thanh toán tiền nước máy		353.105	
34	Mua đồ dùng bán trú: nước lau nhà, nước rửa chén,..		10.743.000	
35	Mua khăn giấy ở nhà ăn		1.450.000	
36	Tiền công bảo mẫu, lương nấu ăn, QLBT tháng 1		129.300.000	
37	Thu tiền phí học bán trú trong tháng 2/2025	2.940.000		
38	Thanh toán tiền điện tháng 1		3.783.504	

TT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
39	Thanh toán tiền nước máy		182.248	
40	Làm màn, khung màn, khung gối lớp 4A		3.000.000	
41	Trả tiền ăn cho Đặng Khôi 1A (4 tháng x 220.000đ)		880.000	
42	Mua khăn giấy ở nhà ăn, bột giặt		1.663.000	
43	Trả tiền ga tháng 2, HĐ 013		7.280.000	
44	Tiền công bảo mẫu, lương nấu ăn, QLBT tháng 2		146.700.000	
45	Thu tiền phí học bán trú trong tháng 3/2025	980.000		
46	Mua giấy ở nhà ăn, lưới rửa chén, HĐ 11694		1.382.000	
47	Thanh toán tiền điện tháng 2		5.017.626	
48	Thanh toán tiền nước máy		318.933	
49	Mua giấy ở nhà ăn, HĐ 15121		1.112.400	
50	Trả tiền ga tháng 3, HĐ 023		7.280.000	
51	Thanh toán tiền mua nước uống , HĐ 62		8.640.000	
52	Thanh toán tiền mua đồ dùng bán trú, HĐ 071		5.008.000	
53	Tiền công bảo mẫu, lương nấu ăn, QLBT tháng 3		155.400.000	
54	Thanh toán tiền ăn cho Phạm Đình Hưng, lớp 5E (220.000 đ x 2 tháng)		440.000	
55	Thanh toán tiền điện tháng 3		5.784.148	
56	Thanh toán tiền nước máy		387.276	
57	Mua bột giặt, nước lau bếp , HĐ 18714		435.000	
58	Mua nước rửa chén, giấy ở nhà ăn, HĐ 20146		1.305.600	
59	Trả tiền ga tháng 4, HĐ 032		7.280.000	
60	Thanh toán tiền mua đồ dùng bán trú, HĐ 116		8.256.000	
61	Tiền công bảo mẫu, lương nấu ăn, QLBT tháng 4		155.400.000	
62	Thanh toán tiền vệ sinh máy lạnh NH 2024-2025		4.860.000	
63	Thanh toán tiền mua ca, tô lớn, bọc để chia thức ăn		1.520.000	
64	Thanh toán tiền điện tháng 4		6.168.477	
65	Tiền nước máy tháng 5		341.714	
66	Thanh toán tiền mua nước rửa chén, nước lau sàn		3.788.000	
67	Trả tiền nước uống T3,4,5		13.728.000	
68	Thanh toán tiền ga		3.640.000	
69	Trả tiền phí học bán trú		248.436.000	
70	Tiền công bảo mẫu, lương nấu ăn, QLBT tháng 5		135.100.000	
71	Tiền nước máy tháng 6		148.076	
72	Thanh toán tiền điện tháng 5		4.116.094	
Cộng		1.839.733.704	1.836.473.170	3.260.534

Kế toán



Nguyễn Tiết Thời

Châu Thành ngày 27 tháng 8 năm 2025



Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy